

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 12 - 2021

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh H1

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Không

Trong ngày 01/12/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐST- HNGĐ ngày 15/11/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Nơi ĐKKK thường trú: thôn TP, xã AT, huyện TT, Thái Bình

Nơi cư trú: thôn Gi, xã TT, huyện AD, TP Hải Phòng

Bị đơn: Anh Phạm Văn H1, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn TT, xã AT, huyện TT, Thái Bình

(Chị H và anh H1 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã TT (nay là xã AT), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/02/2017. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi chửi. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 11/2018 nên chị đã chuyển ra ở riêng. Chị và anh H1 ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Từ khi ly thân chị và anh H1 không quan tâm hỏi han gì đến nhau nữa. Nay chị xác định chị và anh H1 không thể đoàn tụ được, chị đề nghị không hòa giải vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H1 có một con chung là Phạm Minh H2, sinh ngày 13/3/2018. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, hiện nay chị đi làm

công nhân, khỏe mạnh bình thường nên không yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng nuôi con.

Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh H1 có 01 xe máy và 02 chỉ vàng (đã bị mất) nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh H1 không nợ ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện dịch bệnh Covid - 19, chị đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án và giải quyết vụ án vắng mặt chị;

Tại bản tự khai này 21/10/2021 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt gửi Tòa án, bị đơn là anh Phạm Văn H1 trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn như lời khai của chị H. Quá trình chung sống đến cuối năm 2018 do tính tình không hợp nên giữa anh và chị H phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị H yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn nên anh đồng ý ly hôn chị H. Anh và chị H có một con là Phạm Minh H2, sinh ngày 13/3/2018, anh nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị H có 01 xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 17B6 – 30155 do anh quản lý nhưng anh và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh và chị H không có tài sản chung nào khác. Anh xác định anh và chị H không nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc và do dịch bệnh Covid – 19 anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Do các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt, không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh H1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Chung sống đến năm 2018 do tính tình không hợp nên phát sinh mâu thuẫn. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được với nhau đều đề nghị giải quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H ly hôn anh H1.

[2.2]. *Về việc nuôi dưỡng con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 có một con chung là Phạm Minh H2, sinh ngày 13/3/2018. Cả hai đều đề nghị giao

cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy đề nghị của anh, chị là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Giao con Phạm Minh H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận việc chị Hằng không yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh H1 đều xác định tài sản chung của vợ chồng có 01 xe máy nhưng không yêu cầu giải quyết, điều khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung.

[3]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Văn H1;

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 có một con chung là Phạm Minh H2, sinh ngày 13/3/2018. Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Minh H2 đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Hằng không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hằng đã nộp theo biên lai số 0003990 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- UBND xã AT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

